

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 21-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Nương

2. Ông Cao Hoài Lượm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Thân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:**

Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2021/TLST-HS, ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Tùng T-** Sinh năm: 1995; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: **Chọc**; Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Họ tên Cha: Huỳnh Tùng C - sinh năm: 1962 (sống); Họ tên Mẹ: Phan Ánh T - sinh năm 1974 (sống); Họ tên vợ: Trịnh Thị Mỹ K, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con duy nhất.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2021 đến ngày 01/7/2021 khởi tố chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 04/LTG ngày 01/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G.

(Bị cáo có mặt)

2. Họ và tên: **Đỗ Trường A** – Sinh năm 1997; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: **Đảo**; Nơi ĐKKHKT: Khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở

hiện nay: Khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Họ tên Cha: Đỗ Văn T2 - Sinh năm: 1971 (sống); Họ tên Mẹ: Đỗ Bích L - Sinh năm: 1973 (sống); Anh, chị, em ruột: 02 người, lớn nhất sinh 1994, nhỏ nhất bị can;

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/6/2021 đến ngày 01/7/2021 khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/LCĐKNCT ngày 01/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang. Ngày 22/6/2021 và ngày 16/7/2021 bị can tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại khu phố 3, phường T và khu phố 2, phường Pháo Đài, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Ngày 16/7/2021 bị can bị Cơ quan Cảnh sát thành phố H, tỉnh Kiên Giang tạm giữ đến ngày 25/7/2021 khởi tố bị can và chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 19/L-ĐCSHS-KTMT ngày 25/7/2021 của Công an thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Bị cáo có mặt)

Bị hại:

- Bà Trần Thị H; sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Ông Trần Văn T3, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Ngọc T4; sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- Ông Trần Thanh H; sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

- Ông Huỳnh Thanh G; sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 7, Lô C08, khu đô thị mới H, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 13/6/2021 Đỗ Trường A thường trú khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 72K8-7967 (xe mượn của Lê Ngọc Thành) chở Huỳnh Tùng T thường trú khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang đi từ phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang đến nhà bà Phan Ánh T (mẹ ruột của T) tại ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang để bắt gà về ăn. Khi đến xã P, huyện G do xe bị hư nên cả hai dẫn xe đến tiệm sửa xe của ông Võ Văn T tại chợ P, huyện G, tỉnh Kiên Giang để sửa xe nhưng ông Võ Văn T từ chối, sau đó cả hai tiếp tục dẫn xe đến tiệm sửa xe của bà Nguyễn Thị D tại quốc lộ N1 thuộc ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang để sửa xe

thì bà D kêu cả hai chờ chồng mình về để sửa xe. Trong lúc đợi chồng bà D về sửa xe, T và A đi bộ đến tiệm ông T để cầm 02 máy khoan cầm tay mà A mang theo trước đó với số tiền 400.000 đồng, sau đó T và A đi ra sau chợ P tìm bạn của T (tên H) để mượn xe đi về thành phố H.

Khi đi ngang nhà anh Trần Văn T3 thuộc tổ 01, ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang cả hai quan sát xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen - đỏ biển kiểm soát 68F1-004.38 của anh T3 đang đậu trước nhà, không có người trông coi và chìa khóa đang gắn trên xe nên A bàn bạc với T để lấy trộm xe thì T đồng ý. Sau đó A và T lén lút tiếp cận xe A liền lấy mũ bảo hiểm trên xe anh T3 bỏ sang xe đậu kế bên, còn T dẫn xe anh T3 ra ngoài đường bật chìa khóa, khởi động nổ máy rồi điều khiển xe trộm được chở A ra Quốc lộ N1 đến tiệm sửa xe bà D, tại đây A xuống lấy xe 72K8-7967 và nhờ bà D gọi điện thoại cho xe chở khách là ông Lê Văn Y đến để đẩy xe về thành phố H, còn T điều khiển xe trộm được về thành phố H. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T đem xe trộm được về phòng trọ thuê của mình tại khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang rồi lấy biển kiểm soát 68E1-270.47 thay vào xe anh T3 nhằm tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Sau đó A và T đem xe trộm được đi kiểm chỗ cầm xe nhưng không được do xe không có giấy tờ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T đem xe trộm được đến gặp ông Trần Thanh H nói dối là xe của chị mình để nhờ ông H cầm xe, do tin tưởng nên ông H kêu Huỳnh Thanh G cầm xe cho T với số tiền 3.000.000 đồng, số tiền trên cả hai đã chia nhau tiêu xài hết. Đến ngày 01/07/2021 T và A bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản và ra Lệnh tạm giam đối với T, còn A ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bút lục: 01, 02, 05 đến 11, 27 đến 49, 60, 61, 200 đến 308).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô nhãn Hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen - đỏ, số máy 5C63-628412, số khung C630CY628364 và 01 một biển kiểm soát số 68F1-004.38 cũ hư hỏng nhiều chỗ đã trả lại xe và biển cho chủ sở hữu là bà Trần Thị H (là vợ ông T3) (Bút lục 04, 06, 12, 13, 14 đến 17)

- 01 (một) biển kiểm soát 68E1-270.47 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng thuộc Đội Cảnh sát Thi hành án Hình sự và hỗ trợ Tư pháp Công an huyện G (Bút lục 139 đến 141);

- 01 (một) xe mô tô SIRIUS Trung quốc, màu đen biển kiểm soát 72K8-7967, xe cũ hư hỏng nhiều chỗ, đã qua sử dụng đã trả lại cho xe cho Lê Ngọc T4 (Bút lục 142 đến 145).

Theo Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐG, ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận như sau: 01 (một) xe mô tô BKS 68F1-004.38 nhãn Hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen - đỏ, số máy 5C63-628412, số khung C630CY628364 của anh Trần Văn T3 tại thời điểm trộm cắp có giá trị còn lại là 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) (Bút lục 60, 61).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Trần Văn T3, bà Trần Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Lê Ngọc T4, Trần Thanh H, Huỳnh Thanh G không có yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo nên không xem xét.

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố Huỳnh Tùng T và Đỗ Trường A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đỗ Trường A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bút lục 155, 195, 200 đến 220)

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tùng T và bị cáo Đỗ Trường A phạm Tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Tùng T

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Tùng T từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

- Áp dụng Điều 38; Điều 55; Điều 56; khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Trường A.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Trường A từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Đề nghị HĐXX tổng hợp mức hình phạt chung mà bị cáo phải chấp hành tại bản án của Tòa án nhân dân huyện G và bản án số 36/2021/HS-ST, ngày 16/12/2021 của Tòa án thành phố H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do không ai có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác, nên đề nghị HĐXX không xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Viện kiểm sát đề nghị:

- 01 (một) xe mô tô nhãn Hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen - đỏ, số máy 5C63-628412, số khung C630CY628364 và 01 một biển kiểm soát số 68F1-004.38 cũ hư hỏng nhiều chỗ đã trả lại xe và biển cho chủ sở hữu là bà Trần Thị H nên đề nghị không xét.

- 01 (một) xe mô tô SIRIUS Trung quốc, màu đen biển kiểm soát 72K8-7967, xe cũ hư hỏng nhiều chỗ, đã qua sử dụng đã trả lại cho xe cho ông Lê Ngọc T nên đề nghị không xét.

- Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với 01 (một) biển kiểm soát 68E1-270.47 do đây là công cụ thực hiện phạm tội.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Tùng T, bị cáo Đỗ Trường A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại tòa, bị cáo T và bị cáo A hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với các tình tiết đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Huỳnh Tùng T, bị cáo Đỗ Trường A đã phạm Tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173. của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm

...”

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo: Trong vụ án này hành vi của bị cáo T và bị cáo A là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo tuy có bàn bạc, hỗ trợ nhau trong quá trình trộm cắp nhưng là đồng phạm giản đơn.

Bản thân bị cáo T đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm vào ngày 01/12/2016 và bị cáo đã chấp hành xong bản án, tuy bị cáo đã được giáo dục trong thời gian chấp hành án (đã được xóa án tích) nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản điều này chứng minh bản thân bị cáo vẫn không nhận thức, không có ý

thức sửa chữa những hành vi sai phạm của mình, thích tiêu sài, hưởng thụ nhưng lười lao động.

Đối với bị cáo A tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản tại huyện G và đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G Try tố về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo được xem xét cho tại ngoại. Trong thời gian tại ngoại, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 22/6/2021 và ngày 16/7/2021, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử và tuyên mức án 01 (một) năm tù tại bản án số 36/2021/HS-ST, ngày 16/12/2021 về tội trộm cắp tài sản, hiện bị cáo đang chấp hành án theo quyết định thi hành án hình phạt tù số 05/2022/QĐ-CA ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

HĐXX nhận định bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản tại huyện G xảy ra trước và bị khởi tố bị can. Trong thời gian bị cáo chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội tại thành phố H và đã bị Tòa án nhân dân thành phố H đưa ra xét xử. Tuy nhiên, xét tính chất có lợi cho bị cáo nên HĐXX không áp dụng các tình tiết phạm tội nhiều lần hoặc tái phạm đối với bị cáo trong khi xét xử vụ án này.

Hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật, gây hoạn mang cho đời sống xã hội. Do đó, cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà các bị cáo đã gây ra nhằm có đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với chiếc điện thoại OPPO F11 mà người bị hại là ông Trần Văn T3 và bà Trần Thị H cho rằng ông, bà đã để trong cốp xe khi các bị cáo trộm xe đã trộm chiếc điện thoại. Ngày 22/12/2021, khi xét xử sơ thẩm vụ án HĐXX đã hoãn phiên Tòa một lần và ban hành văn bản số 29/CV-TA, ngày 22/12/2021 đề nghị Viện kiểm sát tiếp tục xác minh thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nhưng đến nay, khi hết thời hạn HĐXX yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không vẫn không chứng minh được các bị cáo lấy trộm điện thoại (thể hiện tại văn bản trả lời số 156/VKSGT, ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G) nên HĐXX sẽ tách riêng nội dung này để giải quyết thành vụ việc khác khi có đủ cơ sở.

[4] Về nhân thân:

Bị cáo Huỳnh Tùng T có nhân thân xấu. Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T và bị cáo A không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo T và A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Do đó HĐXX không xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại vật chứng là tài sản thuộc sở hữu của mình. Do đó HĐXX không xét.

[8]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Huỳnh Tùng T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Trường A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Tùng T** phạm Tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tùng T** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ Điều 38; Điều 56; khoản 1 Điều 173; điểm s,i khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Trường A** phạm Tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trường A** 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ bản án số 36/2021/HS-ST, ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xử phạt bị cáo A 01 (một) năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo **Đỗ Trường A** phải chịu hình phạt chung sau khi tổng hợp hai bản là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 25/6/2021 đến ngày 01/7/2021 tại nhà Tạm giữ Công an huyện G và từ ngày 16/7/2021 đến ngày 25/7/2021 tại nhà Tạm giữ Công an thành phố H.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

Đối với tài sản là chiếc điện thoại OPPO F11 mà người bị hại yêu cầu, do chưa chứng minh được do các bị cáo trộm cắp trong vụ án này nên HĐXX sẽ tách ra để giải quyết thành vụ khác khi có đủ cơ sở.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 (một) biển kiểm soát 68E1-270.47 do đây là công cụ thực hiện phạm tội.

Các tài sản còn lại người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được nhận đủ và không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Huỳnh Tùng T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Đỗ Trường A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/12/2021.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADDs huyện G;
- Công an huyện G;
- Bị cáo;
- Những người TGTt;
- Lưu: HsVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hồng Phong